

MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II LỚP 3	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	16
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	18
ĐỀ SỐ 3 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	7	20
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	22
ĐỀ SỐ 5 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	11	24
ĐỀ SỐ 6 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	13	26



A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN TẬP



Câu 8. Bác Hùng có một mảnh đất hình chữ nhật với chiều dài là 1212cm, chiều rộng là 275cm. Bác muốn làm hàng rào bao quanh mảnh đất đó. Hỏi bác Hùng cần làm bao nhiêu xăng-ti-mét hàng rào, biết bác để lối đi rộng 74cm?



A. 2794cm.

B. 2974cm.

C. 2900cm.

D. 3400cm.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) $707 + 5857$

b) $4497 - 833$

c) 4013×2

d) $1824 : 4$

Bài 2. Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

a) Sắp xếp các số: 36 597, 59 268, 59 378, 94 472, 83 647 theo thứ tự tăng dần.

b) Sắp xếp các số: 76 389, 94 258, 49 852, 67 983, 87 396 theo thứ tự giảm dần.

Bài 3. Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 3519m. Đội đã sửa được đoạn đường có độ dài giảm đi 9 lần so với độ dài quãng đường ban đầu. Hỏi đội công nhân đó phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Bài 4. Bạn Đông mất 16 phút để đi bộ từ cột đèn thứ nhất đến cột đèn thứ 9. Hỏi nếu bạn Đông đi tiếp 20 phút nữa thì sẽ đi đến cột đèn thứ mấy? Biết rằng tốc độ đi của Đông không thay đổi và các cột đèn cách đều nhau.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 2

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số bé nhất trong các số 23 921; 23 129; 23 219; 23 912; 23 192; 23 291

A. 23 219

B. 23 192

C. 23 921

D. 23 129

Câu 2. Núi Phan-Xi-Păng là ngọn núi cao nhất Việt Nam. Đỉnh Phan-Xi- Păng có độ cao 3143m so với mực nước biển. Em hãy làm tròn số đó đến hàng trăm.



A. 3100

B. 3200

C. 3140

D. 3000

Câu 3. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?

A. 12 giờ 55 phút

B. 00 giờ 55 phút

C. 11 giờ

D. 21 giờ



Câu 4. Mỗi mặt của khối hộp chữ nhật, người ta in hai bông hoa. Hỏi người ta cần in bao nhiêu bông hoa để đảm bảo tất cả các mặt của khối hộp chữ nhật đều có 2 bông hoa?

A. 8 bông

B. 10 bông

C. 12 bông

D. 14 bông

Câu 5. Tết Ông Công, Ông Táo rơi vào ngày 10 tháng 2 là ngày thứ Ba. Hỏi Tết Nguyên Đán vào ngày 17 tháng 2 cùng năm đó là thứ mấy trong tuần?



A. Thứ Hai

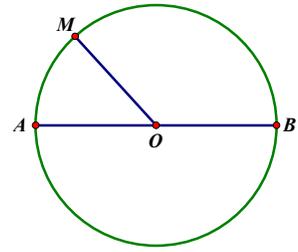
B. Thứ Ba

C. Thứ Tư

D. Thứ Năm

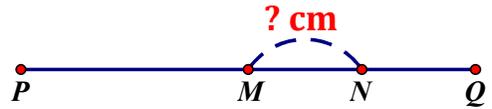
Câu 6. Cho hình tròn tâm O có $OM = 5\text{cm}$. Độ dài đoạn thẳng AB bằng bao nhiêu?

- A. 5cm
- B. 10cm
- C. 15cm
- D. 20cm



Câu 7. Cho đoạn thẳng $PQ = 80\text{cm}$, có M là trung điểm của đoạn PQ, N là trung điểm của đoạn thẳng MQ. Độ dài đoạn thẳng MN là:

- A. 20cm
- B. 40cm
- C. 60cm
- D. 80cm



Câu 8. Trong một buổi diễu hành, có 120 học sinh được xếp đều thành 8 hàng. Hỏi 6 hàng trong đội hình diễu hành đó có bao nhiêu học sinh?

- A. 15 học sinh
- B. 126 học sinh
- C. 90 học sinh
- D. 160 học sinh

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

- a) $4567 + 12\ 345$
- b) 2026×4
- c) $87\ 406 - 39\ 789$
- d) $9999 : 9$

Bài 2. Ghép ô chứa số La Mã ở cột bên trái với cách viết số theo hệ thập phân ở cột bên phải:

XIV	20
V	18
XVIII	14
XX	5

Bài 3. Có một số ki-lô-gam ngô chứa vào 6 bao, mỗi bao đựng 40kg thì còn thừa 8kg. Nếu chia số ngô đó vào 4 bao như thế thì mỗi bao đựng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 4. Cô Lan có 3 người con là bạn An, bạn Bình và bạn Cường. Cô Lan có chiếc bánh bở quên trên bàn. Khi cô Lan đi chợ về thì thấy chiếc bánh bị ăn mất một nửa. Cô Lan hỏi các con và nhận được các câu trả lời như sau:

- An: Con không ăn mẹ ạ.
- Bình: Con cũng không ăn đâu ạ.
- Cường: Anh An ăn đấy mẹ ạ.

Nếu 2 trong số 3 bạn nhỏ nói dối thì ai là người đã ăn chiếc bánh?

Trả lời:

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

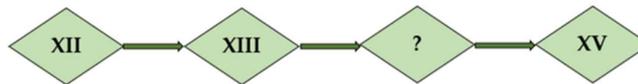
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số La Mã thích hợp để điền vào dấu hỏi chấm là:



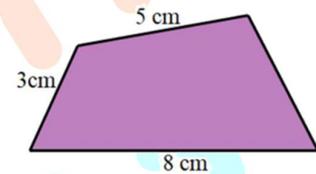
- A. XIV. B. XI. C. XVI. D. XIX.

Câu 2. Làm tròn số 4576 đến hàng chục ta được số:

- A. 4567. B. 4476. C. 4570. D. 4580.

Câu 3. Cho hình vẽ bên, biết chu vi của hình tứ giác là 20cm. Hỏi cạnh còn lại có độ dài là bao nhiêu xăng-ti-mét?

- A. 4cm. B. 5cm.
C. 2cm. D. 9cm.



Câu 4. Bạn Hùng làm bài so sánh giá trị hai biểu thức như sau:

$$9846 : 6 > 546 \times 3.$$

Theo em, bạn Hùng làm đúng hay sai?

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 5. Một hình vuông có chu vi là 36 cm. Tính diện tích của hình vuông đó.

- A. 41cm². B. 16cm². C. 81cm². D. 72cm².

Câu 6. Điền số thích hợp vào ô trống:

$$\square \times 5 = 3510 + 6045$$

- A. 1955. B. 1911. C. 1191. D. 1991.

Câu 7. Hà mua 3 chiếc thước kẻ giống nhau hết 9 000 đồng. Hỏi nếu Hà mua 5 chiếc thước kẻ như vậy thì phải trả bao nhiêu tiền?

- A. 20 000 đồng. B. 13 000 đồng. C. 10 000 đồng. D. 15 000 đồng.

Câu 8. Cửa hàng có 1058kg gạo, buổi sáng cửa hàng bán được 257kg gạo. Số gạo còn lại được chia đều vào 9 túi. Hỏi mỗi túi có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

- A. 80kg. B. 98kg. C. 89kg. D. 95kg.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)**Bài 1.** Điền các số thích hợp vào chỗ trống:a) 6500; 6600; ; 6800; ; b) 3010; ; 3030; 3040; ; **Bài 2.** Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $(356 + 564) \times 6$.

b) $8456 : (5 + 2)$

c) $693 \times (10 - 3)$

Bài 3. Có 3 kho chứa gạo. Kho thứ nhất chứa 3256kg gạo, kho thứ hai chứa số ki-lô-gam gạo bằng $\frac{1}{2}$ số ki-lô-gam gạo của kho thứ nhất, kho thứ ba chứa nhiều hơn kho thứ hai 359kg gạo. Hỏi cả ba

kho chứa được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Cho dãy số 10; 12; 14; ... ; 138. Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số nào?**Trả lời:**

ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Số liền sau của số 5799 là:

- A. 5798 B. 5800 C. 5797 D. 6000

Câu 2. Số nào sau đây gồm 8 nghìn, 5 trăm, 3 chục, 1 đơn vị?

- A. 1358 B. 3581 C. 5813 D. 8531

Câu 3. Cho các số La Mã sau: IV; XX; XV; VII; IX.

Sắp xếp các số La Mã trên theo thứ tự giảm dần:

Câu 4. Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài 35m, chiều rộng 20m. Tính chu vi mảnh đất đó.

- A. 55m B. 110m C. 30m D. 700m

Câu 5. Điền dấu ">, <, =" vào chỗ chấm:

$$9803 \times 7 - 12\,345 \dots\dots\dots 99\,999 : 9 + 34\,789$$

Câu 6. Hùng có 56 000 đồng mua được 8 quyển truyện tranh giống nhau, Dũng có ít hơn Hùng 21 000 đồng. Hỏi Dũng mua được bao nhiêu quyển truyện tranh như thế?

- A. 3 quyển B. 4 quyển C. 5 quyển D. 6 quyển

Câu 7. Kết quả của phép tính:

$$(75\,607 - 5\,607) : 5 = \dots\dots\dots$$

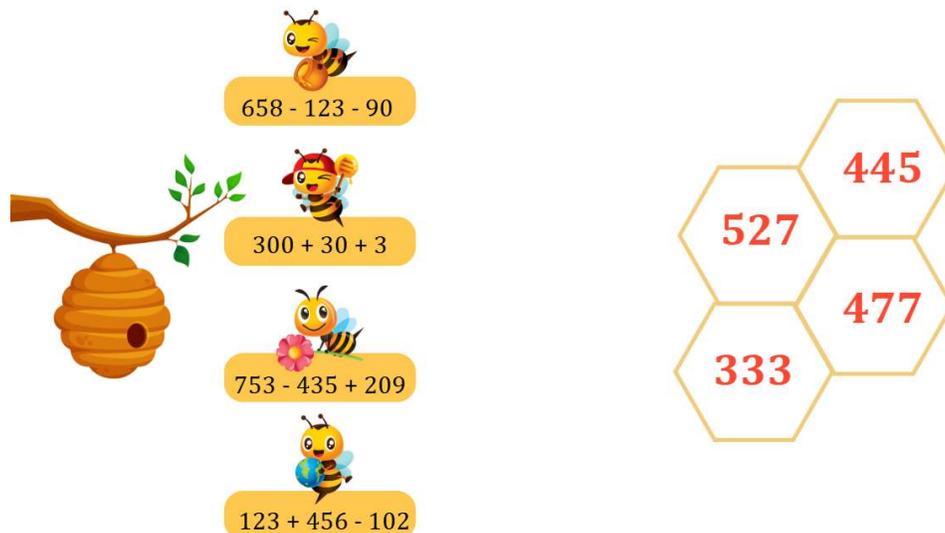
Câu 8. Nam nghĩ ra một số, nếu lấy số đó gấp lên 5 lần rồi trừ đi 425 thì được 2060. Tìm số mà Nam nghĩ.

- A. 327 B. 497 C. 8175 D. 12 425



II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Nối các biểu thức sau với kết quả đúng:



$658 - 123 - 90$
 $300 + 30 + 3$
 $753 - 435 + 209$
 $123 + 456 - 102$

445
 527
 477
 333

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

a) $9783 + 4582$

b) $10\,000 - 7234$

c) 1034×8

d) $14\,364 : 6$

Bài 3. Một mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh mảnh vườn đó (có 2 cửa ra vào, mỗi cửa rộng 3m). Hỏi hàng rào dài bao nhiêu mét?

Bài 4. Cho một hình chữ nhật, nếu giảm chiều dài 5cm, tăng chiều rộng 5cm thì được một hình vuông có chu vi 36cm. Tìm diện tích hình chữ nhật.

Trả lời:

ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

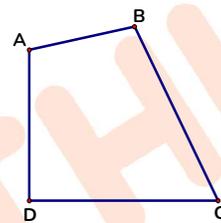
Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Một phép trừ có số trừ là 1355 và hiệu là 55. Số bị trừ là:

- A. 1300. B. 1410. C. 1310. D. 1420.

Câu 2. Trong hình bên có bao nhiêu góc không vuông?

- A. 1. B. 2.
C. 3. D. 4.



Câu 3. Một hình tam giác có độ dài các cạnh là 6cm; 8cm và 1dm.

Chu vi hình tam giác đó là:

- A. 15cm. B. 15dm.
C. 24dm. D. 24cm.



Câu 4. Số đo dung tích nào dưới đây là lớn nhất?

- A. 950ml. B. 500ml. C. 1l. D. 999ml.

Câu 5. Một trang trại chăn nuôi có:

Con vật			
Số lượng	125 con	219 con	5 con

Hỏi số lượng con gà gấp bao nhiêu lần số lượng con thỏ?

- A. 32 lần. B. 22 lần. C. 20 lần. D. 25 lần.

Câu 6. 36 học sinh xếp thành 4 hàng đều nhau. Hỏi 1134 học sinh xếp theo cách như vậy thì được bao nhiêu hàng?

- A. 162 hàng. B. 126 hàng. C. 120 hàng. D. 136 hàng.

Câu 7. Cô giáo có 3 hộp bút khác nhau gồm 3 màu: vàng, xanh, đỏ. Mỗi bạn Đào, Mai, Lan lần lượt chọn một hộp bút bất kì. Mai không thể chọn được hộp bút màu nào?

- A. Màu vàng. B. Màu xanh. C. Màu hồng. D. Màu đỏ.

Câu 8. Một cửa hàng buổi sáng bán được 170 chiếc xe, số xe bán được trong buổi chiều gấp 6 lần số xe bán được trong buổi sáng. Hỏi cả hai buổi, cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe?

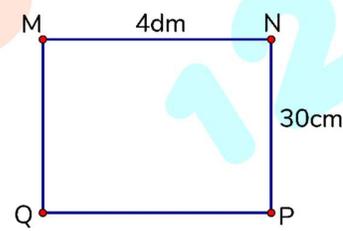
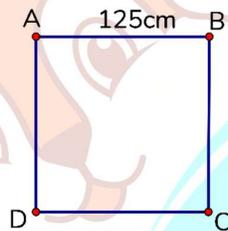
- A. 1190 chiếc. B. 1020 chiếc. C. 850 chiếc. D. 1910 chiếc.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Nối các biểu thức sau với kết quả đúng:



Bài 2. Điền các số thích hợp vào chỗ chấm:



Chu vi hình vuông ABCD là: cm. Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: cm.

Bài 3. Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

- Chiếc xe đó cần vận chuyển ít nhất bao nhiêu chuyến để chở hết 1105 thùng hàng?
- Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 1000kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Bài 4. Bạn Minh Huy mất 90 giây để đi từ tầng 1 lên tầng 3. Hỏi bạn ấy mất bao nhiêu giây để đi từ tầng 3 lên tầng 6? (Biết rằng số bậc cầu thang giữa các tầng đều bằng nhau)

Trả lời:

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

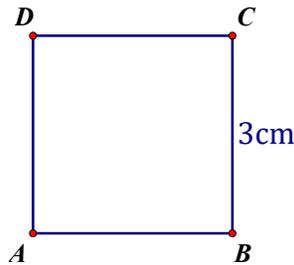
Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng hoặc thực hiện theo yêu cầu

Câu 1. Chu vi của hình vuông là:



- A. 6cm B. 6cm² C. 12cm D. 12cm²

Câu 2. Ngày 28/2/2026 là ngày thứ Bảy. Vậy ngày 8 tháng 3 cùng năm đó là ngày thứ mấy trong tuần?



- A. Thứ Tư B. Thứ Năm C. Thứ Bảy D. Chủ Nhật

Câu 3. Điền dấu "> ; < ; =" thích hợp vào chỗ chấm:

$$1l \dots\dots\dots 550ml + 450ml$$

Câu 4. Làm tròn số 7458 đến hàng trăm ta được số:

- A. 7000 B. 7400 C. 7500 D. 7450

Câu 5. Hình dưới đây có bao nhiêu góc vuông?



- A. 4 góc vuông B. 8 góc vuông C. 12 góc vuông D. 16 góc vuông

Câu 6. Tìm một số, biết rằng lấy số đó trừ với 239 thì bằng 4000 cộng đi 4356. Số đó là:

- A. 8595 B. 8117 C. 595 D. 117

Câu 7. Một thư viện có 336 quyển sách được xếp đều vào 6 giá sách. Hỏi 4 giá sách như thế có bao nhiêu quyển sách?



- A. 210 quyển B. 224 quyển C. 140 quyển D. 232 quyển

Câu 8. Tìm số chẵn a biết: $\overline{19a67} > 19667$

- A. 5 B. 6 C. 7 D. 8

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào chỗ chấm:

6989 6983 5179 3091 + 1092
 9034 + 1945 25 532 - 4590 6863 - 5064 2907 + 261

Bài 2. Hoàn thành bảng sau:

Chiều dài	5 cm	27 cm cm	37 cm	221cm
Chiều rộng	10 cmcm	9 cm cm	239 cm
Chu vi hình chữ nhật cm	76 cm	128 cm	124 cm cm

Bài 3. Trong một cái kho chứa 7500 thùng hàng. Người ta chuyển từ kho đi một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 4 lần. Hỏi số thùng hàng đã chuyển đi là bao nhiêu?

Bài 4. Tìm số có 2 chữ số đều là số chẵn. Biết hiệu 2 chữ số là 4 và thương của chúng là 2.

Trả lời:

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT



ĐỀ SỐ 1

SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	A	C	D	A	C	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $707 + 5857$

b) $4497 - 833$

c) 4013×2

d) $1824 : 4$

Lời giải

a) $707 + 5857 = 6564.$

b) $4497 - 833 = 3664.$

c) $4013 \times 2 = 8026.$

d) $1824 : 4 = 456.$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (1,5 điểm) Thực hiện các yêu cầu dưới đây:

a) Sắp xếp các số: 36 597, 59 268, 59 378, 94 472, 83 647 theo thứ tự tăng dần.

b) Sắp xếp các số: 76 389, 94 258, 49 852, 67 983, 87 396 theo thứ tự giảm dần.

Lời giải

a) Các số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là: 36 597; 59 268; 59 378; 83 647; 94 472.

b) Các số được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là: 94 258; 87 396; 76 389; 67 983; 49 852.

Bài 3. (2 điểm) Một đội công nhân phải sửa quãng đường dài 3519m. Đội đã sửa được đoạn đường có độ dài giảm đi 9 lần so với độ dài quãng đường ban đầu. Hỏi đội công nhân đó phải sửa bao nhiêu mét đường nữa?

Lời giải

Đội công nhân đã sửa được số mét đường là: $3519 : 9 = 391$ (m).

Đội công nhân đó phải sửa số mét đường nữa là: $3519 - 391 = 3128$ (m).

Đáp số: 3128m đường.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Đông mất 16 phút để đi bộ từ cột đèn thứ nhất đến cột đèn thứ 9. Hỏi nếu bạn Đông đi tiếp 20 phút nữa thì sẽ đi đến cột đèn thứ mấy? Biết rằng tốc độ đi của Đông không thay đổi và các cột đèn cách đều nhau.

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Đông đi 20 phút nữa sẽ đi được đến cột đèn thứ: **19**.

(Giữa 9 cột đèn có 8 khoảng cách. Mỗi khoảng cách đi mất số thời gian là: $16 : 8 = 2$ (phút).

20 phút sẽ đi thêm được số khoảng cách là: $20 : 2 = 10$ (khoảng cách).

Có tất cả số khoảng cách là: $8 + 10 = 18$ (khoảng cách).

Do đó có 19 cột đèn.

Vậy Đông đi 20 phút nữa sẽ đi được đến cột đèn thứ 19).



ON THI
123

ĐỀ SỐ 2 SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	C	C	B	B	A	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $4567 + 12\ 345$

b) 2026×4

c) $87\ 406 - 39\ 789$

d) $9999 : 9$

Lời giải

a) $4567 + 12\ 345 = 16\ 912$

b) $2026 \times 4 = 8104$

c) $87\ 406 - 39\ 789 = 47\ 617$

d) $9999 : 9 = 1111$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 2. (1,5 điểm) Ghép ô chứa số La Mã ở cột một với cách viết số theo hệ thập phân ở cột hai.

XIV	20
V	18
XVIII	14
XX	5

Lời giải

XIV	20
V	18
XVIII	14
XX	5

Bài 3. (2 điểm) Có một số ki-lô-gam ngô chứa vào 6 bao, mỗi bao đựng 40kg thì còn thừa 8kg. Nếu chia số ngô đó vào 4 bao như thế thì mỗi bao đựng bao nhiêu ki-lô-gam?

Lời giải

Có tất cả số ki- lô- gam ngô là:

$$40 \times 6 + 8 = 248 \text{ (kg)}$$

Chia vào 4 bao thì mỗi bao đựng số ki – lô – gam ngô là:

$$248 : 4 = 62 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 62 kg

Bài 4. (0,5 điểm) Cô Lan có 3 người con là bạn An, bạn Bình và bạn Cường. Cô Lan có chiếc bánh bô quên trên bàn. Khi cô Lan đi chợ về thì thấy chiếc bánh bị ăn mất một nửa. Cô Lan hỏi các con và nhận được các câu trả lời như sau:

- An: Con không ăn mẹ ạ.
- Bình: Con cũng không ăn đâu ạ.
- Cường: Anh An ăn đấy mẹ ạ.

Nếu 2 trong số 3 bạn nhỏ nói dối thì ai là người đã ăn chiếc bánh?

Trả lời:

Lời giải

Lập bảng nói thật – nói dối qua các trường hợp sau:

Nếu An ăn bánh:

	Nói dối	Nói thật
An	✓	
Bình		✓
Cường		✓

1 người nói dối

Nếu Bình ăn bánh:

	Nói dối	Nói thật
An		✓
Bình	✓	
Cường	✓	

2 người nói dối

Nếu Cường ăn bánh:

	Nói dối	Nói thật
An		✓
Bình		✓
Cường	✓	

1 người nói dối

Vậy Bình là người ăn chiếc bánh đó.

ĐỀ SỐ 3

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	A	C	B	D	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Điền các số thích hợp vào chỗ trống:

a) 6500; 6600; ; 6800; ;

b) 3010; ; 3030; 3040; ;

Lời giải

a) 6500; 6600; ; 6800; ;

b) 3010; ; 3030; 3040; ;

Bài 2. (1,5 điểm) Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $(356 + 564) \times 6$

b) $8456 : (5 + 2)$

c) $693 \times (10 - 3)$.

Lời giải

a) $(356 + 564) \times 6 = 920 \times 6 = 5520$.

b) $8456 : (5 + 2) = 8456 : 7 = 1208$.

c) $693 \times (10 - 3) = 693 \times 7 = 4851$.

Bài 3. (2,5 điểm) Có 3 kho chứa gạo. Kho thứ nhất chứa 3256kg gạo, kho thứ hai chứa số ki-lô-gam

gạo bằng $\frac{1}{2}$ số ki-lô-gam gạo của kho thứ nhất, kho thứ ba chứa nhiều hơn kho thứ hai 359kg gạo.

Hỏi cả ba kho chứa được tất cả bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Kho thứ hai chứa số ki-lô-gam gạo là: $3256 : 2 = 1628$ (kg).

Kho thứ ba chứa số ki-lô-gam gạo là: $1628 + 359 = 1987$ (kg).

Cả ba kho chứa được tất cả số ki-lô-gam gạo là: $3256 + 1628 + 1987 = 6871$ (kg).

Đáp số: 6871kg gạo.

Bài 4. (0,5 điểm) Cho dãy số 10; 12; 14; ... ; 138. Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số nào?

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Chữ số thứ 103 được dùng để viết dãy số đã cho là chữ số **1**.

(Nhận xét: Dãy số đã cho là dãy số cách đều, có khoảng cách giữa hai số liền nhau là 2 đơn vị.

Dãy 10; 12; ...; 96; 98 có: $(98 - 10) : 2 + 1 = 45$ (số có 2 chữ số) nên có số chữ số là:

$2 \times 45 = 90$ (chữ số).

Số chữ số còn lại dùng để viết số có 3 chữ số trong dãy là: $103 - 90 = 13$ (chữ số).

Ta có: $13 : 3 = 4$ (dư 1) nên chữ số thứ 103 của dãy số đã cho là chữ số đầu tiên của số hạng thứ 5 trong dãy số: 100; 102; ...; 138.

Số hạng thứ 5 trong dãy số: 100; 102; ...; 138 là 108.

Do đó chữ số cần tìm là 1).



ĐỀ SỐ 4

SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

ĐỀ Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	XX; XV; IX; VII; IV	B	>	C	14 000	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Nối các biểu thức sau với kết quả đúng:

$658 - 123 - 90$
 $300 + 30 + 3$
 $753 - 435 + 209$
 $123 + 456 - 102$

445
 527
 477
 333

Lời giải

$658 - 123 - 90$
 $300 + 30 + 3$
 $753 - 435 + 209$
 $123 + 456 - 102$

445
 527
 477
 333

Bài 2. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) $9783 + 4582$

b) $10\ 000 - 7234$

c) 1034×8

d) $14\ 364 : 6$

Lời giải

a) $9783 + 4582 = 14\ 365$

b) $10\ 000 - 7234 = 2766$

c) $1034 \times 8 = 8272$

d) $14\ 364 : 6 = 2394$

(HS tự đặt tính rồi tính).

Bài 3. (2 điểm) Một thửa vườn hình chữ nhật có chiều rộng 30m, chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

Người ta muốn làm một hàng rào xung quanh thửa vườn đó (có 2 cửa ra vào, mỗi cửa rộng 3m).

Hỏi hàng rào dài bao nhiêu mét?

Lời giải

Chiều dài của mảnh vườn là: $30 \times 3 = 90$ (m)

Chu vi của mảnh vườn đó là: $(90 + 30) \times 2 = 240$ (m)

Hàng rào đó dài số mét là: $240 - 3 \times 2 = 234$ (m)

Đáp số: 234 mét

Bài 4. (0,5 điểm) Cho một hình chữ nhật, nếu giảm chiều dài 5cm, tăng chiều rộng 5cm thì được một hình vuông có chu vi 36cm. Tìm diện tích hình chữ nhật.

Lời giải

Trả lời: Diện tích hình chữ nhật là **56cm²**.

Độ dài cạnh hình vuông là: $36 : 4 = 9$ (cm)

Chiều dài hình chữ nhật là: $9 + 5 = 14$ (cm)

Chiều rộng hình chữ nhật là: $9 - 5 = 4$ (cm)

Diện tích hình chữ nhật là: $14 \times 4 = 56$ (cm²)

ĐỀ SỐ 5

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	D	C	D	B	C	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm) Nối các biểu thức sau với kết quả đúng:

Lời giải

Ta có:

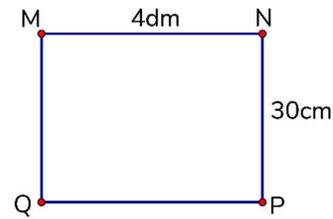
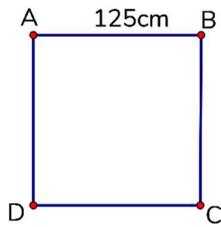
$$3620 : 5 \times 7 = 724 \times 7 = 5068.$$

$$1242 + 108 \times 9 = 1242 + 972 = 2214.$$

$$(5120 - 214) \times 2 = 4906 \times 2 = 9812.$$

Vậy ta có kết quả nối như sau:

Bài 2. (1,5 điểm) Điền tiếp vào chỗ chấm cho thích hợp:



Chu vi hình vuông ABCD là: cm.

Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: cm.

Lời giải

Chu vi hình vuông ABCD là: $125 \times 4 = 500$ (cm).

Đổi: $4\text{dm} = 40\text{cm}$.

Chu vi hình chữ nhật MNPQ là: $(40 + 30) \times 2 = 140$ (cm).

Bài 3 (2 điểm) Một xe vận chuyển hàng trong siêu thị mỗi chuyến chở được 5 thùng hàng. Hỏi:

- Chiếc xe đó cần vận chuyển ít nhất bao nhiêu chuyến để chở hết 1105 thùng hàng?
- Nếu mỗi thùng hàng cân nặng 1000kg thì mỗi chuyến xe đó vận chuyển được bao nhiêu ki-lô-gam hàng?

Lời giải

a) Để chở hết 1105 thùng hàng, số chuyến ít nhất mà xe đó cần thực hiện là:

$$1105 : 5 = 221 \text{ (chuyến).}$$

b) Mỗi chuyến xe đó vận chuyển được số ki-lô-gam hàng là: $5 \times 1000 = 5000$ (kg).

Đáp số: a) 221 chuyến; b) 5000kg.

Bài 4. (0,5 điểm) Bạn Minh Huy mất 90 giây để đi từ tầng 1 lên tầng 3. Hỏi bạn ấy mất bao nhiêu giây để đi từ tầng 3 lên tầng 6? (Biết rằng số bậc cầu thang giữa các tầng đều bằng nhau)

Trả lời:

Lời giải

Trả lời: Để leo từ tầng 3 đến tầng 6 bạn Minh Huy mất **135 giây**.

(Ta gọi một nhịp cầu thang là đi từ tầng này lên tầng liền trên (ví dụ đi từ tầng 1 lên tầng 2).

Từ tầng 1 lên tầng 3 cần đi 2 “nhịp” cầu thang hết 90 giây.

Đi 1 “nhịp” cầu thang hết thời gian là: $90 : 2 = 45$ (giây).

Đi từ tầng 3 lên tầng 6 cần đi 3 “nhịp” cầu thang nên hết thời gian là: $45 \times 3 = 135$ (giây).)

ĐỀ SỐ 6

SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán lớp 3

Thời gian làm bài: 40 phút

(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	=	C	D	A	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền dấu “>, <, =” thích hợp vào chỗ chấm:

$6989 \dots\dots\dots 6983$

$5179 \dots\dots\dots 3091 + 1092$

$9034 + 1945 \dots\dots\dots 25\ 532 - 4590$

$6863 - 5064 \dots\dots\dots 2907 + 261$

Lời giải

$6989 > 6983$

$5179 > 3091 + 1092$

$9034 + 1945 < 25\ 532 - 4590$

$6863 - 5064 < 2907 + 261$

Bài 2. (1,5 điểm) Hoàn thành bảng sau:

Chiều dài	5 cm	27 cm cm	37 cm	221cm
Chiều rộng	10 cmcm	9 cm cm	239 cm
Chu vi hình chữ nhật cm	76 cm	128 cm	124 cm cm

Lời giải

Chiều dài	5 cm	27 cm	25 cm	161 cm	221 cm
Chiều rộng	10 cm	11 cm	39 cm	123 cm	239 cm
Chu vi hình chữ nhật	30 cm	76 cm	128 cm	568 cm	920 cm

Bài 3. (2 điểm) Trong một cái kho chứa 7500 thùng hàng. Người ta chuyển từ kho đi một số thùng hàng thì số thùng hàng còn lại bằng số thùng hàng ban đầu giảm đi 4 lần. Hỏi số thùng hàng đã chuyển đi là bao nhiêu?

Lời giải

$Số\ thùng\ hàng\ còn\ lại\ là:\ 7500 : 4 = 1875\ (thùng\ hàng)$

$Số\ thùng\ hàng\ đã\ chuyển\ đi\ là:\ 7500 - 1875 = 5625\ (thùng\ hàng)$

Đáp số: 5625 thùng hàng

Bài 4. (0,5 điểm) Tìm số có 2 chữ số đều là số chẵn. Biết hiệu 2 chữ số là 4 và thương của chúng là 2.

Trả lời:

Lời giải

Phân tích 2 thành thương của hai chữ số:

$$2 = 4 : 2 = 6 : 3 = 8 : 4$$

Xét hiệu 2 chữ số:

$$4 - 2 = 2$$

$$6 - 3 = 3$$

$$8 - 4 = 4$$

Theo đề bài, hiệu 2 chữ số là 4 nên ta chọn số bé là 4 và số lớn là 8.

Vậy số cần tìm là 84.



ON THI
123